

Bản án số: 21 /2024/ DS-ST

Ngày 16/5/2024

V/v: “Tranh chấp hợp đồng mua bán tài sản”.

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LẠNG GIANG, TỈNH BẮC GIANG

- *Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:*

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Hằng.

Hội thẩm nhân dân: Ông Trần Thành Đô và ông Đồng Văn Diện.

- *Thư ký phiên tòa:* Bà Ngô Thị Thủy – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Lạng Giang, tỉnh Bắc Giang.

- *Đại diện viện kiểm sát nhân dân huyện Lạng Giang:* Ông Trần Mạnh Sỹ – Kiểm sát viên.

Ngày 16/5/2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Lạng Giang, tỉnh Bắc Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 159/2024/TLST-DS ngày 23 tháng 10 năm 2023 về “Tranh chấp hợp đồng mua bán tài sản” theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 35/2024/QĐST-DS ngày 29/3/2024; Quyết định hoãn phiên tòa số 38/2024 ngày 25/4/2024 giữa các đương sự:

+ **Nguyên đơn:** Ông Lê Công C, sinh năm 1970 – (vắng mặt).

Địa chỉ: Thôn C, xã T, huyện L, tỉnh Bắc Giang.

+ **Bị đơn:** Ông Nguyễn Văn B, sinh năm 1977 - (Vắng mặt).

Địa chỉ: thôn C, xã T, huyện L, tỉnh Bắc Giang.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

1. Bà Nguyễn Thị H, sinh năm 1975 – (Vắng mặt).

2. Bà Giáp Thị T, sinh năm 1980 – (vắng mặt).

Địa chỉ: Thôn C, xã T, huyện L, tỉnh Bắc Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN

- **Tại đơn khởi kiện ghi ngày 24/3/2023** và lời khai tiếp theo Nguyên đơn ông Lê Công C và người có quyền lợi liên quan bà Nguyễn Thị H đều trình bày:

Vợ chồng ông bà có làm nghề kinh doanh buôn bán thức ăn chăn nuôi nên nhiều năm liền kể từ năm 2011 – 2012 vợ chồng ông Nguyễn Văn B, bà Giáp Thị T là người cùng thôn có đến gia đình ông mua cám thức ăn chăn nuôi về nuôi để chăn nuôi gà vịt, theo thỏa thuận thì cứ hết đàn trong khoảng 4 – 5 tháng thanh toán xong, tuy nhiên vợ chồng ông Bằng k thực hiện đúng theo hợp đồng đã thỏa thuận, tính đến ngày 30/12/2014 âm lịch hai bên chốt sổ ông B ký giấy còn nợ của vợ chồng ông bà số tiền 144.613.000 đồng. Quá trình thanh toán nợ vợ chồng ông B mới trả cho ông số tiền là 30.000.000 đồng còn nợ lại 114.613.000 đồng và trả tiền lãi 1%/tháng cho vợ chồng ông hết tháng 12/2019. Nay vợ chồng ông bà yêu cầu phía vợ chồng ông Nguyễn Văn B, bà Giáp Thị T phải thanh toán trả cho vợ chồng ông bà tổng số nợ gốc là 114.613.000 đồng và tiền lãi tính từ ngày 01/01/2020 với lãi suất 0,75%/tháng cho đến ngày xét xử vụ án.

Trước phiên tòa hôm nay ông Lê Công C và bà Nguyễn Thị H đều có đơn xin xét xử vắng mặt.

- Bị đơn: Tại biên bản lấy lời khai ghi ngày 22/01/2024 vợ chồng ông Nguyễn Văn B, bà Giáp Thị T đều trình bày: Vợ chồng ông bà đã biết việc vợ chồng ông C bà H khởi kiện vợ chồng ông bà ra Tòa án và Tòa án có thông báo thụ lý cho vợ chồng ông bà. Vợ chồng ông bà có lấy cám thức ăn chăn nuôi của gia đình ông C về để chăn nuôi nhưng đến nay đã trả hết, không còn nợ nần gì tiền của vợ chồng ông C cả. Vợ chồng ông C khởi kiện vợ chồng ông bà là không có căn cứ.

Ông bà đã nhận được thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải của Tòa án nhưng vì ông bà không còn nợ nần gì vợ chồng ông C, cũng không có tài liệu giấy tờ gì chứng minh cho việc trả nợ nên không đến Tòa và cũng đề nghị Tòa án không đưa bà T vào tham gia tố tụng vì bà T không liên quan gì đến việc mua bán cám của ông B với vợ chồng ông C.

Trước phiên tòa hôm nay ông B, bà T đều vắng mặt.

Ý kiến của Kiểm sát viên tham gia phiên tòa:

- Thẩm phán và thư ký trong quá trình giải quyết vụ án chấp hành đúng quy định của pháp luật. Thẩm phán xác định đúng mối quan hệ pháp luật tranh chấp. Việc giao các văn bản tố tụng cho những người tham gia tố tụng và gửi hồ sơ cho VKS về thời gian đều đảm bảo theo đúng quy định của luật tố tụng Dân sự.

- HĐXX thực hiện đúng quy định của pháp luật;

- Người tham gia tố tụng: Nguyên đơn trong vụ án chấp hành đúng quy định của pháp luật. Bị đơn ông Nguyễn Văn B, người có quyền lợi nghĩa vụ liên

quan bà **Giáp Thị T** không chấp hành đúng quy định của pháp luật, quá trình Tòa án giải quyết, hòa giải, đối chất, công khai chứng cứ đều không có mặt và tại phiên tòa hôm nay cả ông **B**, bà **T** đều vắng mặt lần thứ hai. Nguyên đơn ông **C** và người liên quan bà **H** có đơn xin vắng mặt.

+ Về quan điểm đường lối giải quyết vụ án:

Đề nghị HĐXX chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông **Lê Công C** yêu buộc vợ chồng ông **Nguyễn Văn B**, bà **Giáp Thị O** phải có trách nhiệm thanh toán trả cho ông **Lê Công C**, bà **Nguyễn Thị H** số tiền mua bán cám gà còn nợ gốc 114.613.000 đồng và tiền lãi suất 0,75%/tháng, tính từ ngày 01/01/2020 đến ngày 16/5/2024 với số tiền là 45.158.000 đồng tiền lãi. Tổng cả tiền gốc và lãi là 159.771.000 đồng (Một trăm năm chín triệu, bảy trăm bảy một ngàn đồng).

Về án phí: Ông **Nguyễn Văn B**, bà **Giáp Thị T** phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm.

+ Những yêu cầu, kiến nghị khác: Không

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

- Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, ý kiến của các bên đương sự, HĐXX nhận định:

[1] *Về trình tự thủ tục tố tụng:* Tòa án đã tiến hành đầy đủ trình tự thủ tục tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án.

[2] *Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án:* Quan hệ tranh chấp giữa vợ chồng ông **Lê Công C** với vợ chồng ông **Nguyễn Văn B**, bà **Giáp Thị T** là quan hệ tranh chấp dân sự về hợp đồng mua bán tài sản, các bên đã không tự giải quyết được tranh chấp phát sinh, nguyên đơn đã làm đơn khởi kiện theo thủ tục Tòa án. Địa chỉ nơi cư trú của bị đơn tại **huyện L**. Tòa án nhân dân huyện Lạng Giang, tỉnh Bắc Giang giải quyết là đúng thẩm quyền và phù hợp với quy định của pháp luật được quy định tại các Điều 26; Điều 35 và Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

[3] *Về thời hiệu khởi kiện:* Giữa ông **Lê Công C** với ông **Nguyễn Văn B**, bà **Giáp Thị T** đã chót nợ với nhau vào ngày 30/12/2014 âm lịch hai bên chót sổ ông **B** ký giấy còn nợ của vợ chồng ông **C** số tiền 144.613.000 đồng và sau đó vợ chồng ông **B** đã thanh toán trả dần cho vợ chồng ông **C** được số tiền 30.000.000 đồng và trả khoản tiền lãi suất theo thỏa thuận của hai bên đến hết tháng 12/2019. Phía vợ chồng ông **B**, bà **T** không thừa nhận về số nợ nhưng cũng không có tài liệu chứng cứ gì liên quan đến việc đã thanh toán số nợ nộp cho Tòa án. Và kể từ thời điểm tháng 12/2019 thì ông **Bằng k** trả thêm cho vợ chồng ông **C**, bà **H** mặc dù ông bà đến nhà ông **B** đòi nhiều lần, nên vợ chồng

ông bà đã làm đơn khởi kiện ra Tòa án. Theo quy định tại Điều 184 Bộ luật TTDS thì việc khởi kiện của ông **Lê Công C** vẫn còn thời hiệu khởi kiện.

[4] Về nội dung vụ kiện:

[4.1] Xét yêu cầu khởi kiện của ông **Lê Công C**, Hội đồng xét xử thấy:

Tại bản cam kết nợ gốc do ông **Lê Công C** nộp cho Tòa án thể hiện ngày 30/12/2014, hai bên chốt sổ thì ông **B**, bà **T** còn nợ lại gia đình ông **C** số tiền 144.613.000 đồng. Quá trình trả nợ phía ông **B** đã thanh toán trả cho gia đình ông **C** được số tiền 30.000.000 đồng nợ gốc và trả tiền lãi suất do hai bên thỏa thuận đến hết tháng 12/2019 với tổng số tiền là 40.000.000 đồng; Số nợ gốc còn lại là 114.613.000 đồng. Do phía ông **Bằng k** trả được nợ nên vợ ông **C** đã làm đơn khởi kiện yêu cầu vợ chồng ông **B**, bà **T** phải có trách nhiệm thanh toán trả cho vợ chồng ông tổng số nợ gốc là 114.613.000 đồng và phải trả khoản tiền lãi suất kể từ ngày 01/01/2020 với lãi suất 0,75%/tháng đến ngày Tòa án xét xử vụ án.

[4.2] *Về các chứng cứ và lời khai cụ thể bị đơn, người có nghĩa vụ liên quan:* Ông **Nguyễn Văn B**, bà **Giáp Thị T** đều xác nhận có mua cám thức ăn chăn nuôi của gia đình ông **C**, bà **H**. Tuy nhiên ông bà đều khai nhận hiện tại ông bà không còn nợ nần gì đối với vợ chồng ông **C** vì ông bà đã thanh toán trả hết toàn bộ số nợ cho vợ chồng ông **C**, nhưng ông bà không có tài liệu chứng cứ gì để nộp cho Tòa án.

[4.3] *Về các chứng cứ tài liệu có trong hồ sơ đã được thu thập được và căn cứ pháp luật giải quyết:*

Tòa án đã tiến hành giao đầy đủ các văn bản tố tụng cho vợ chồng ông **B**, bà **T** và đã thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải giữa các bên đương sự, tuy nhiên phía bị đơn ông **B** và người liên quan bà **T** cả hai lần đều không đến tham gia phiên họp của Tòa án nên việc hòa giải giữa các bên không thành.

Về số tiền còn nợ gốc và khoản tiền lãi suất: HĐXX thấy, việc mua bán và thỏa thuận với nhau về thời hạn trả tiền giữa các bên là sự tự nguyện, mặc dù phía ông **Nguyễn Văn B**, bà **Giáp Thị T** không thừa nhận việc mình còn nợ tiền của gia đình ông **C**, nhưng cũng không có tài liệu chứng cứ gì để chứng minh cho việc đã thanh toán tiền cho gia đình ông **C**. Quá trình Tòa án giải quyết vụ án, vợ chồng ông **B**, bà **T** đều không hợp tác, không đến Tòa, khi Tòa án tiến hành lấy lời khai ngoài trụ sở có sự chứng kiến của chính quyền địa phương thì bà **T** không ký biên bản, gây khó khăn cho việc giải quyết án của Tòa án.

HĐXX xét thấy, mặc dù vợ chồng ông **B** bà **T** không thừa nhận việc còn nợ tiền của vợ chồng ông **C**, nhưng cũng không bác bỏ tờ giấy biên nhận nợ tiền ghi ngày 30/12/2014 có chữ ký của ông **B**. Như vậy có căn cứ xác định vợ chồng ông **B**, bà **T** còn nợ lại vợ chồng ông **C** bà **H** số nợ gốc 114.613.000 đồng

(Một trăm mười bốn triệu, sáu trăm mười ba ngàn đồng). Tại bản gốc sổ nợ do ông C nộp thể hiện 02 mã tiền thanh toán gồm ngày 17/8/2018 ghi: “Chú B trả 20.000.000 đồng tính vào tiền lãi 2017 – tháng 8/2018” và ngày 03/12/2019 ghi: “Chú B trả 20.000.000 đồng tính vào tiền lãi 2018 – 2019” thể hiện ông B tự nguyện thanh toán tiền lãi cho gia đình ông C đến hết năm 2019.

Do thời gian thực hiện hợp đồng trả tiền của phía gia đình ông B kéo dài đã làm ảnh hưởng đến quyền lợi của vợ chồng ông C. Phía vợ chồng ông C, bà H vẫn yêu cầu được tính lãi với mức lãi suất 9%/năm, xét là phù hợp. Để đảm bảo quyền lợi cho bên cho nguyên đơn, căn cứ vào nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của HĐTP Tòa án nhân dân Tối cao: “*Hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm*” và khoản 3 Điều 440 của BLDS 2015 cần chấp nhận với yêu cầu trên của nguyên đơn.

Về thời điểm tính lãi: Ông Lê Công C, bà Nguyễn Thị H vẫn giữ nguyên yêu cầu và đề nghị HĐXX tính tiền lãi suất kể từ thời điểm ông B thanh toán trả tiền lãi hết năm 2019 và ngày chốt tính lãi vào ngày 01/01/2020 đến ngày Tòa án xét xử vụ án là 4 năm 4 tháng 16 ngày, cụ thể: $114.613.000 \text{ đồng} \times 9\% \times 4 \text{ năm } 4 \text{ tháng } 16 \text{ ngày} = 45.158.000 \text{ đồng}$ tiền lãi. Tổng cả tiền gốc và lãi là 159.771.000 đồng (Một trăm năm chín triệu, bảy trăm bảy một ngàn đồng). Buộc vợ chồng ông B, bà T phải có trách nhiệm liên đới trả cho vợ chồng ông C, bà H số tiền trên.

Để đảm bảo quyền lợi của người được thi hành án, áp dụng điều 357 BLDS.

[5] Đề nghị của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa là phù hợp với nhận định của HĐXX nên được chấp nhận.

[6] **Về án phí:** Do yêu cầu của ông C, bà H được chấp nhận nên không phải chịu án phí. Buộc ông Nguyễn Văn B, bà Giáp Thị T phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm đối với tổng số tiền phải thanh toán theo quy định. Căn cứ khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

[7] **Về quyền kháng cáo:** Các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định tại Điều 271, khoản 1 Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên.

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ các Điều 430; Điều 434; Điều 440 và Điều 357 Bộ luật dân sự. Khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35; Điều 147; Điều 271; Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự. Điều 27, Điều 37 Luật Hôn nhân, gia đình. Khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí và lệ phí Tòa án, Xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông **Lê Công C** đối với ông **Nguyễn Văn B** và bà **Giáp Thị T**.

- Buộc vợ chồng ông **Nguyễn Văn B**, bà **Giáp Thị T** phải có trách nhiệm liên đới thanh toán trả cho vợ chồng ông **Lê Công C**, bà **Nguyễn Thị H** số tiền gốc mua bán cám thức ăn chăn nuôi còn nợ lại là 114.613.000 đồng và 45.158.000 đồng tiền lãi. Tổng cả tiền gốc và lãi là 159.771.000 đồng (*Một trăm năm chín triệu, bảy trăm bảy một ngàn đồng*).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357 Bộ luật dân sự 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

2. Về án phí: Ông **Nguyễn Văn B**, bà **Giáp Thị T** phải chịu 7.988.000 đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Hoàn trả ông **Lê Công C** số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 3.980.000 đồng (Ba triệu, chín trăm tám mươi ngàn đồng) theo biên lai thu số 0000618 ngày 23/10/2023 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Lạng Giang, tỉnh Bắc Giang.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Báo cho các đương sự đều vắng mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc được niêm yết công khai./.

Nơi nhận:

- Tòa án tỉnh Bắc Giang;
- VKSND tỉnh Bắc Giang;
- VKSND huyện Lạng Giang
- THADS huyện Lạng Giang.
- Các đương sự.
- Lưu.

**T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Thị Hằng